TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 07-4-2022
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.
Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021, về việc "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1967
Địa chỉ: Số 53, tổ 14, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1961
Bà Đặng Thị N, sinh năm 1961
Địa chỉ: Tổ 6, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà O và bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:

Bà O là người bán thức ăn chăn nuôi tại nhà, không có đăng ký kinh dO. Ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị N có mua cám của bà nhiều lần. Tính đến thời điểm ngày 22/01/2019, ông B và bà N còn nợ số tiền mua bán cám là 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba

nghìn đồng), ông B và bà N có viết giấy xác nhận nợ đầy đủ. Tuy nhiên, từ đó tới nay ông B và bà N vẫn chưa trả tiền cho bà O.

Do ông B và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà O làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B buộc ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị N phải trả cho bà O số tiền nợ gốc là 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng), không yêu cầu ông B và bà N phải trả tiền lãi nữa. Ngoài ra, bà O không có yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

- Theo bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải – Bị đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Ông B và bà N là vợ chồng. Bà N thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà O số tiền mua bán cám là 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng), ngày 22/01/2019 bà N và ông B có ký giấy xác nhận nợ đầy đủ. Tuy nhiên, do công việc làm ăn gặp khó khăn nên ông bà chưa trả tiền được cho bà O. Nay bà O khởi kiện yêu cầu ông B và bà N phải trả hết số tiền nợ gốc là 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng), không yêu cầu ông bà phải trả tiền lãi nữa thì bà N đồng ý. Bà N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm hòa giải thành theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà N không có ý kiến gì thêm.

Sau khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì chỉ có bà O và bà N đồng ý ký tên vào biên bản, còn ông B không đồng ý ký tên vì cho rằng đã có bà N trình bày ý kiến và ký tên trong các biên bản của Tòa án. Ông B không có văn bản trình bày nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn là bà N kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn B thực hiện không đúng theo đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền gốc 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng). Các đương sự không yêu cầu Tòa án tính lãi suất nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí Dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hoàng O là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Biên bản xác minh tại Công an phường Tam Phước thì thì bị đơn bà Đặng Thị N và ông Phạm Văn B hiện sinh sống tại địa chỉ: Tổ 6, khu phố Tân Lập, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ cho ông B và bà N về việc thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng chỉ có bà N có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015**,** Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà N phải trả cho bà O số tiền gốc 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) do nợ mua bán cám chăn nuôi. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ lời khai của nguyên đơn là bà O, lời khai của bị đơn là bà N và giấy xác nhận nợ ngày 22/01/2019 thì có đủ căn cứ để xác định việc bà O, bà N và ông B có thỏa thuận mua bán cám chăn nuôi và số tiền ông B và bà N còn nợ của bà O là 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Bà N cũng trình bày bà O khởi kiện đòi lại số tiền gốc 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) thì bà N đồng ý trả lại tiền cho bà O. Ngoài ra, quá trình làm việc, Tòa án đã tống đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thông báo, triệu tập hợp lệ cho ông B về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông B không có văn bản trình bày ý kiến, không đồng ý ký biên bản, cũng không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông B và bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền gốc 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng). Các đương sự không yêu cầu Tòa án tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị N phải nộp 112.995.353 đồng.

[5] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng O.

Ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền gốc 4.995.353.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng). Các đương sự không yêu cầu Tòa án tính lãi suất.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị N phải nộp 112.995.353 đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.249.000 đồng theo biên lai số 0006757 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu HS-VP (03).

Nguyễn Thị Hoàng Phương